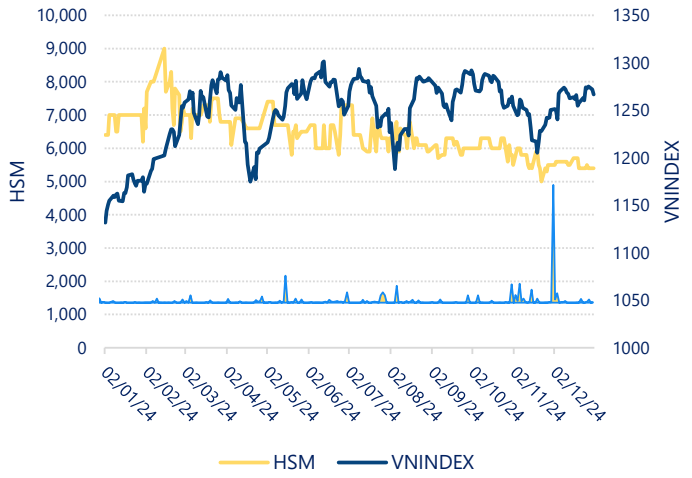
Tổng CTCP Dệt May Hà Nội (UPCOM: HSM)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

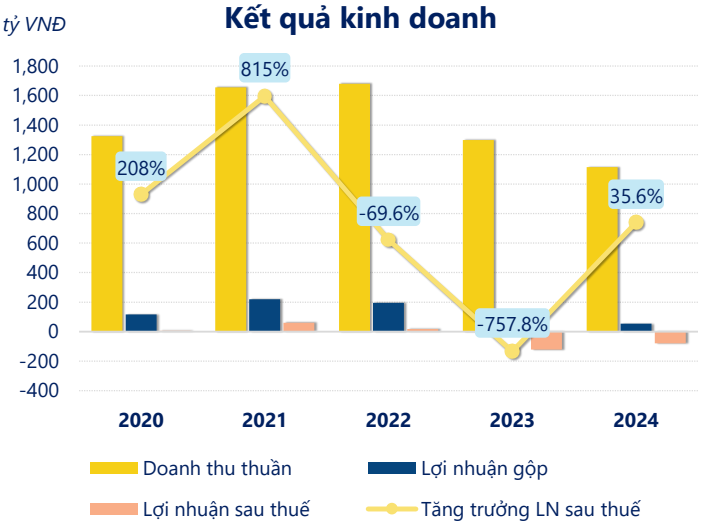
Ngày 31/12/2024	5,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	-	-

Lịch sử giá



	2024	YoY
DT thuần	1,115 tỷ VNĐ	▼ 183 ▼ 14.1%
LN gộp	54.8 tỷ VNĐ	▲ 5.90 ▲ 12.1%
LN thuần	-82.3 tỷ VNĐ	▲ 84.7 ▲ 50.9%
LN sau thuế	-78.3 tỷ VNĐ	▲ 43.7 ▲ 35.6%

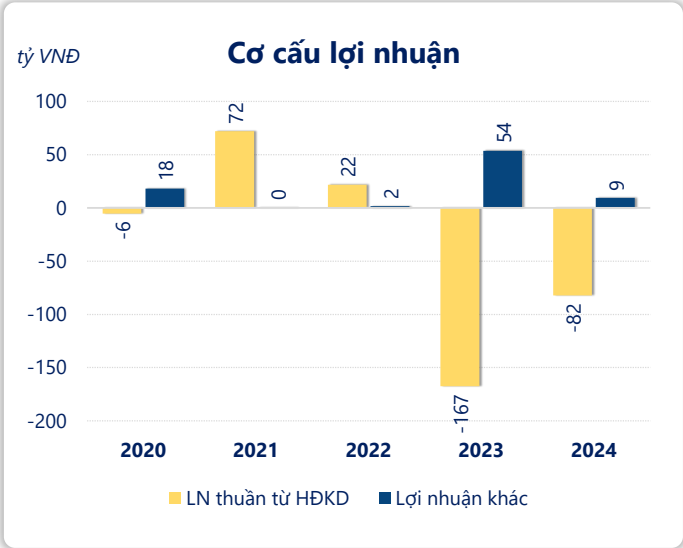
Kết quả kinh doanh

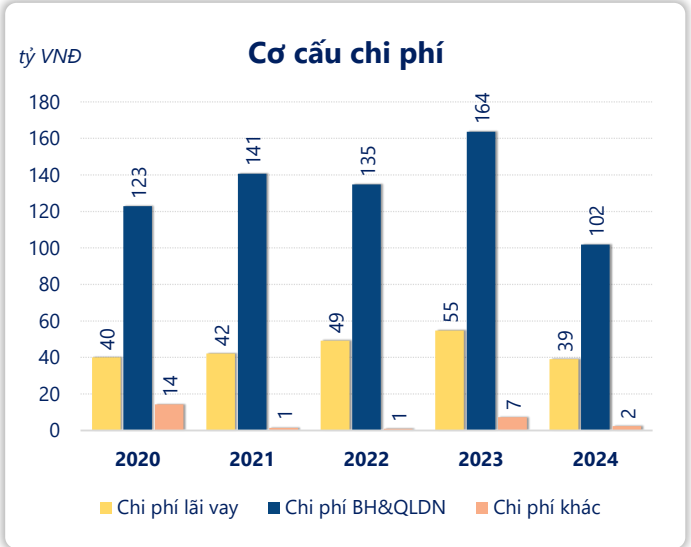


	2024	+/- YoY
ROE	-16.8%	▲ 5.9%
ROA	-5.3%	▲ 1.7%

Năm **2024**, **HSM** ghi nhận doanh thu thuần **1,115** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-78.26** tỷ đồng, lần lượt **giảm 14.1%** và **tăng 35.6%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -16.8% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

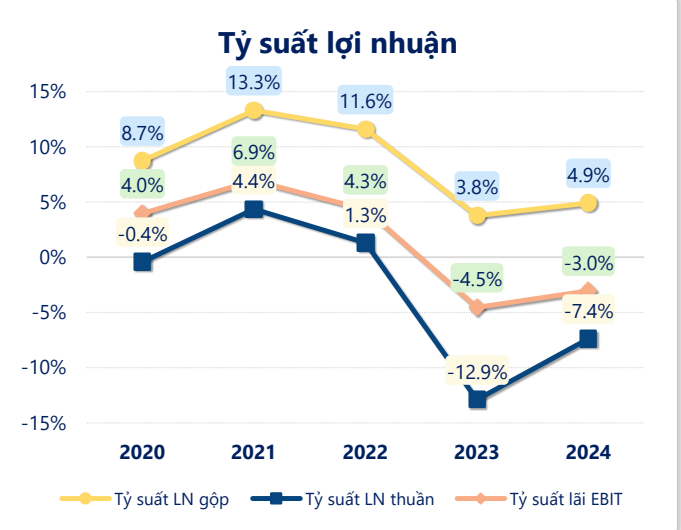


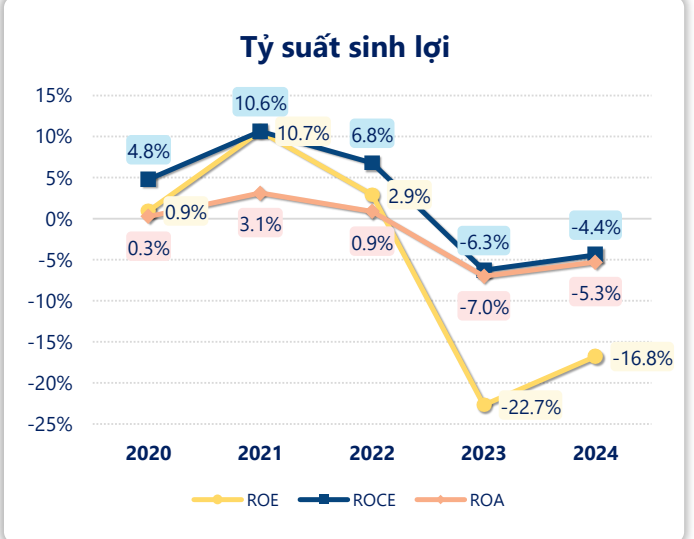


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **HSM** năm **2024 tăng lên 85.21** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 82.28 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 167.5 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

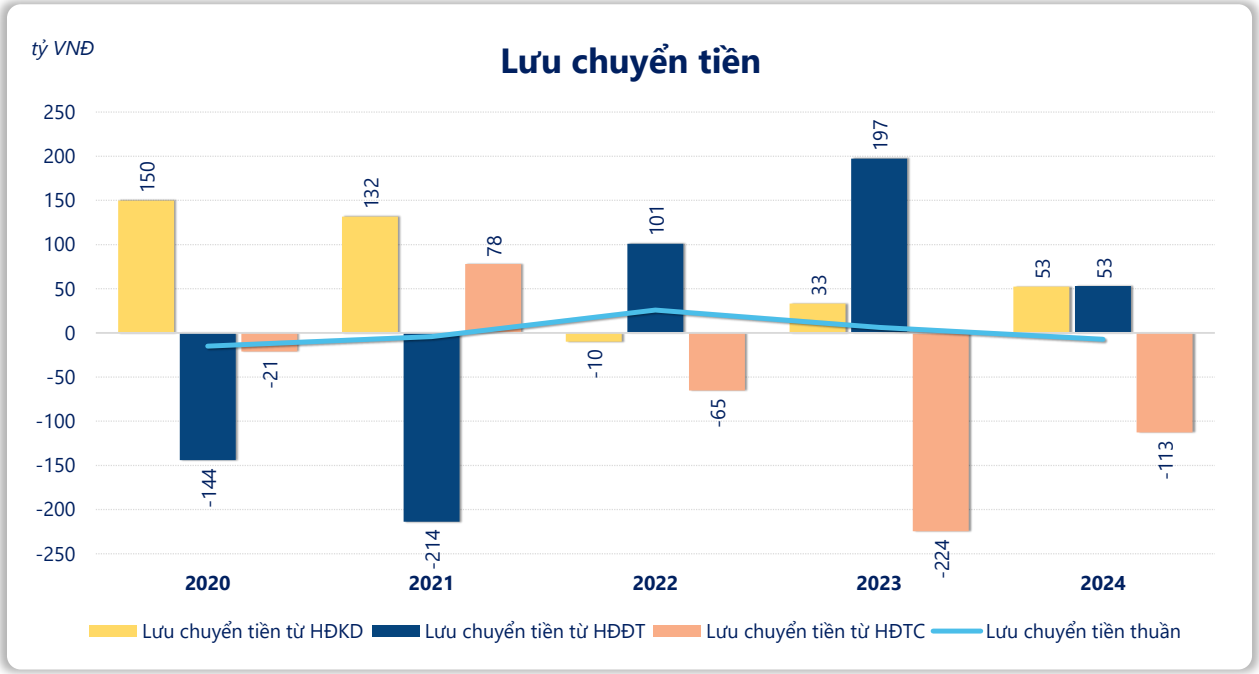
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **39.08** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **101.8** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **2.40** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HSM năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-16.8%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,325**	**1,655**	**1,680**	**1,298**	**1,115**
Giá vốn hàng bán	1,209	1,435	1,485	1,249	1,060
Lợi nhuận gộp	**116**	**220**	**195**	**48.9**	**54.8**
Doanh thu HĐTC	51.6	40.2	58.0	19.8	46.6
Chi phí TC	50.5	47.7	96.6	72.9	81.8
Chi phí lãi vay	**40.1**	**42.2**	**49.1**	**54.7**	**39.1**
LN trong công ty LKLD	0.50	0.25	0.52	0.40	0
Chi phí bán hàng	41.2	53.5	54.9	35.3	28.8
Chi phí QLDN	81.8	87.2	79.9	128	73.0
LN thuần từ HĐKD	**-5.51**	**72.1**	**21.7**	**-167**	**-82.3**
Lợi nhuận khác	18.0	0.47	1.72	53.7	9.32
LN trước thuế	**12.5**	**72.5**	**23.4**	**-114**	**-73.0**
Lợi nhuận sau thuế	**6.65**	**60.8**	**18.5**	**-122**	**-78.3**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.09**	**60.0**	**17.1**	**-117**	**-70.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HSM bằng **-7.08** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (6.36 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **52.52** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **53.01** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-112.6** tỷ đồng.